

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ- ST
Ngày 24 /5/2024
(V/v: Ly hôn)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG – TỈNH HẢI DƯƠNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Minh Hải.**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Huy Diệu**, ông **Triệu Ngọc Vạn.**

-Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Mạnh**- Thư ký Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang* tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Yến** - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 05 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp kiện xin ly hôn chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 04 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 06 ngày 03 tháng 05 năm 2024; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Quốc K**, sinh năm 1958.(Có mặt)

2. Bị Đơn: Bà **Ma Thị N**, sinh năm 1958(Vắng mặt)

Đều ĐKKHKT và nơi ở: Thôn T xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966.(Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau: Ông Nguyễn Quốc K trình bày; ông và bà Ma Thị N kết hôn là tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện T, tỉnh Tuyên Quang cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 1988. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận

đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng nhạt phai, không còn sự quan tâm, yêu thương, kính trọng nhau, hai bên sống ly thân từ 2012, sau đó bà N đi ở với con trai trong S, thỉnh thoảng về qua nhà một thời gian rồi lại đi, sự gắn kết yêu thương nhau của hai bên không có. Đến nay ông K xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không thể tiếp tục sống chung, ông K xin được ly hôn bà N.

Về con chung: Ông K khai có 02 con chung là Nguyễn Đắc T, sinh năm 1988 và Nguyễn Văn T1 sinh năm 1991, hiện hai con đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không phải giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, công nợ : Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của của bà L sát nhà ông K, là em gái ông K trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh K và chị N là do giữa anh K và chị N không có tiếng nói chung, bất đồng trong cuộc sống, chị N không có trách nhiệm với gia đình nhà chồng, việc ai người đó làm, không ai quan tâm đến ai. Hai bên sống ly thân nhiều năm nay. Nay anh K xin ly hôn quan điểm của gia đình giải quyết cho anh, chị được ly hôn.

Qua xác minh tại khu dân cư và UBND xã H cho biết: ông K gửi đơn ly hôn trực tiếp xuống Tòa án không thông qua thôn và UBND xã nên không tổ chức hòa giải, mâu thuẫn giữa hai bên địa phương không nắm được, hiện bà N không ở cùng ông K, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Tại phiên toà: Ông Nguyễn Văn K1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bà Ma Thị N không thay đổi, bổ sung gì thêm. Bà N vắng mặt không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sau (sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký từ khi thụ lý cho đến trước khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự về thẩm quyền và trình tự thủ tục của giai đoạn xét xử sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng theo các Điều 70,71 Bộ luật Tổ tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định Điều 70, 72 BLTTDS, đối với người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 77.78 BLTTDS. Áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tổ tụng dân sự ; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án lệ phí. Đề nghị

HĐXX, Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K1: Xử cho ông Nguyễn Văn K1 ly hôn bà Ma Thị N.

Về án phí : Ông Nguyễn Văn K1 được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. HĐXX, thấy:

[1]**Về tố tụng:** Bà N đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, Bà N đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng; Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà N, là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:** Hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn K1 và bà Ma Thị N hoàn toàn tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện T, tỉnh Tuyên Quang, cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 1988, tại thời điểm kết hôn ông K1 và bà N hoàn toàn tự nguyện, điều đó thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình quy định.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Văn K1, Hội đồng xét xử nhận thấy:* Sau khi kết hôn vợ chồng ông K1, bà N sống hòa thuận được hơn chục năm thì phát sinh mâu. Do hai bên có nhiều bất đồng về cuộc sống hàng ngày, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng nhạt phai, không còn sự quan tâm, yêu thương, kính trọng nhau, hai bên sống ly thân từ 2012. Mặt khác theo gia đình ông K1 khai thì mâu thuẫn giữa hai bên là do không có tiếng nói chung, bất đồng trong cuộc sống, bà N không có trách nhiệm với gia đình nhà chồng, việc ai người đó làm không quan tâm đến ai, nên hai bên sống ly thân nhiều năm nay. Ông K1 xác định xin ly hôn với bà N vì tình cảm vợ chồng không còn gì, không thể tiếp tục chung sống. Căn cứ lời khai của nguyên đơn, lời khai người làm chứng và biên bản xác minh tại chính quyền địa phương, Hội đồng xét xử xét thấy; Mâu thuẫn giữa ông K1 và bà N đã thực sự sâu sắc và trầm trọng, hai bên sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Tòa án nhiều lần triệu tập bà N xuống Tòa án hòa giải nhưng bà N vắng mặt, điện thoại theo số 0909388251 có chuông nhưng bà N không nghe máy, điều đó chứng minh đời sống chung không thể tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không còn tình yêu thương nhau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Văn K2 được hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] **Về con chung:** Không phải giải quyết.

[5] **Về tài sản chung:** Ông K2 xác định không có tài sản chung, không đề nghị gì nên không phải giải quyết.

[6]**Về án phí:** Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông K2 là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ Điều 146, Điều 147 BLTTDS. Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Văn K1

Xử: Ông Nguyễn Văn K1 được ly hôn bà Ma Thị N

Về án phí: Miễn án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình cho ông Nguyễn Văn K1.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của bị đơn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THA dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND xã Yên Lập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Vũ Minh Hải